

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số:13/2022/DSST

Ngày: 22-7-2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gia công*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Ngô Thị Thúy Hảo  
2. Ông Đặng Song Hoàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Ngọc Thủy-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 34/2021/TLST- KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐHPT-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty A

Địa chỉ trụ sở : phường R, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tăng Sĩ T, chức vụ Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: , Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Công ty SMV

Địa chỉ trụ sở: phường R, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông A (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02-7-2021, bản tự khai ngày 18-11-2021 và quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Thành Đ trình bày:* Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây lắp A (sau đây gọi tắt là Công ty A) là đơn vị kinh doanh dịch vụ gia công cơ khí; lắp đặt, sửa chữa, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty A có quan hệ đối tác với Công ty TNHH S(V) (sau đây gọi tắt là Công ty SMV) do ông A là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2016 và năm 2017, Công ty A và Công ty SMV có ký kết, thực hiện các hợp đồng như sau:

1. Ngày 03-11-2016, ký kết hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388 về việc Gia công chế tạo dự án H387/H388 tổng giá trị hợp đồng là 8.797.864.686đ (*Tám tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng*).

Sau đó hai bên ký kết phụ lục hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388-Phụ lục- 001 về việc sửa đổi hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388 tăng giá trị hợp đồng từ 8.797.864.686đ (*Tám tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng*) lên 11.584.818.445đ (*Mười một tỷ, năm trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm mười tám nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng*), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Ngày 05-06-2017, ký kết hợp đồng số SMV-MVEC/H888 về việc gia công chế tạo Block nhôm dự án H888, tổng giá trị hợp đồng là 1.269.538.800đ (*Một tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm đồng*), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Ngày 07-06-2017, ký kết hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388-DOEKSEN về việc gia công lắp đặt ống và lắp đặt hệ thống HVAC cho dự án nhôm H387/H388, tổng giá trị hợp đồng là 2.386.810.910đ (*Hai tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm mười nghìn, chín trăm mười đồng*), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Như vậy, tổng giá trị Công ty A và Công ty SMV đã ký kết các hợp đồng và phụ lục nêu trên là 15.241.168.155đ (*Mười lăm tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng*)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã thực hiện nhiều lần với nhiều hóa đơn giá trị gia tăng khác nhau. Tuy nhiên vẫn còn một số hóa đơn giá trị gia tăng chưa được thanh toán.

Ngày 06-07-2020, hai bên cùng thỏa thuận, thống nhất và đồng ý cân trừ khoản nợ phải thu và phải trả giữa hai bên. Theo Biên bản bù trừ công nợ số 202000706-001/SMV-MV về việc cân trừ công nợ của Công ty SMV theo đó Công ty SMV có nghĩa vụ phải trả cho Công ty A là 2.127.267.401 đồng (*Hai tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm lẻ một đồng*)

Ngày 31-03-2021, hai bên tiếp tục thỏa thuận, thống nhất và đồng ý cân trừ khoản nợ phải thu và phải trả giữa hai bên. Theo Biên bản bù trừ công nợ 20210331-0001/SMV-MV về việc “*bù trừ công nợ*” của Công ty SMV. Theo đó, Công ty A có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty SMV 248.441.019 đồng (*Hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, không trăm mười chín đồng*). Còn lại Công ty SMV có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Minh Việt là 1.360.656.614 đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*)

Như vậy, sau khi đối chiếu Biên bản bù trừ công nợ ngày 31-03-2021, số tiền Công ty SMV còn nợ Công ty A là 1.360.656.614đ (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*)

Mặc dù, Công ty A nhiều lần nhắc nhở Công ty SMV thanh toán số tiền nợ trên qua email, gọi điện thoại trực tiếp. Tuy nhiên qua nhiều lần hứa hẹn thanh toán thì đến nay Công ty SMV vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình.

Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty Minh Việt khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, giải quyết:

1. Yêu cầu Công ty SMV thanh toán số tiền nợ là 1.360.656.614 đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*)

2. Yêu cầu Công ty SMV thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 01-7-2021 là 353.338.382 đồng (*Ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng*), cụ thể như sau:

2.1. Về thời điểm tính lãi:

Căn cứ theo Điều 10 của 02 hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388 Ngày 03/11/2016 và hợp đồng số SMV-MVEC/H888 ngày 05/06/2017, thời điểm thanh toán là: *“Thanh toán hàng tuần sau khi bắt đầu công việc, dựa trên khối lượng đồng ý xác nhận của hai bên sau khi xuất hóa đơn 7 ngày”*.

Như vậy, sau khi Công ty A xuất hóa đơn trong vòng 07 ngày, Công ty SMV có nghĩa vụ thanh toán giá trị hóa đơn đó cho Công ty A.

Đối với hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388-DOEKSEN thì thanh toán chia làm 04 đợt như sau:

- + Thanh toán đợt 1: 50% giá trị khi hoàn thành 50% khối lượng công việc.
- + Thanh toán đợt 2: 30% giá trị khi hoàn thành 80% khối lượng công việc.
- + Thanh toán đợt 3: 10% sau khi kiểm tra thủy tĩnh.
- + Thanh toán đợt 4: 10% sau khi hoàn thành lắp đặt.

Hợp đồng trên không có thời hạn yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, hợp đồng thanh toán dựa theo khối lượng công việc hoàn thành, sau khi hoàn thành công việc Công ty SMV sẽ thanh toán ngay cho Công ty A theo từng đợt.

Công ty A đã xuất hóa đơn gửi cho Công ty SMV và theo Biên bản bù trừ công nợ Công ty SMV đã đồng ý xác nhận việc thanh lý theo hợp đồng này. Do đó, Công ty A kéo dài thời điểm tính lãi theo hợp đồng này là 07 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Do đó, thời điểm Công ty SMV vi phạm nghĩa vụ thanh toán được tính từ ngày thứ 08 kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng *tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 01-07-2021*.

2.2. Về lãi suất chậm trả

Số tiền lãi chậm trả Công ty SMV phải thanh toán cho Công ty A là: (Giá trị hóa đơn giá trị gia tăng) x (Số ngày chậm trả) x (Lãi suất nợ quá hạn trung bình 03 ngân hàng trên), cụ thể 14 hóa đơn giá trị gia tăng được tính như sau:

Stt	Số hóa đơn	Giá trị	Ngày xuất hóa đơn	Ngày hết hạn thanh toán(7 ngày kể từ ngày xuất hóa	Số ngày chậm trả (ngày)	Số tiền phải trả lãi
-----	------------	---------	-------------------	--	-------------------------	----------------------

				<i>đơn)</i>		
1	0000276	96.472.336	06/11/2017	14/11/2017	1325	30.678.203
2	0000299	45.225.872	27/11/2017	05/12/2017	1304	14.153.889
3	0000340	172.243.674	04/01/2018	12/01/2018	1266	52.334.518
4	0000343	67.748.026	09/01/2018	17/01/2018	1261	20.503.263
5	0000354	180.378.685	06/02/2018	14/02/2018	1233	53.377.660
6	0000360	45.165.351	21/03/2018	29/03/2018	1190	12.899.224
7	0000361	47.473.636	28/03/2018	05/04/2018	1183	13.478.715
8	0000315	23.818.564	13/12/2017	21/12/2017	1288	7.362.795
9	0000300	79.990.020	29/11/2017	07/12/2017	1302	24.995.281
10	0000542	4.158.000	12/12/2018	20/12/2018	924	922.078
11	0000574	352.517.440	18/01/2019	26/01/2019	887	75.043.913
12	0000593	176.258.720	28/02/2019	08/03/2019	846	35.787.571
13	0000614	8.800.000đ	29/03/2019	06/04/2019	817	1.725.504
14	0000687	60.406.290đ	29/07/2019	06/08/2019	695	10.075.769
<b>Tổng cộng</b>						<b>353.338.382</b>

Như vậy, tổng số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính là 353.338.382đ (Ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng). lãi chậm thanh toán từ ngày 01-7-2021 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Ngày 19-7-2022, Công ty A rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi chậm thanh toán là 353.338.382 đồng(tạm tính đến ngày 01-7-2021). Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Công ty SMV và người đại diện theo pháp luật là ông A là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án thông báo, niêm yết công khai, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.*

3. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

3.1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

3.2. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định Công ty SMV còn nợ Công ty A số tiền 1.360.656.614đ (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*). Theo Biên bản bù trừ công nợ 20210331- 0001/SMV-MV ngày 31-3-2021,tính đến thời điểm hiện nay, Công ty SMV chưa thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty A. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Còn về phần tiền lãi chậm thanh toán,Công ty A đã có đơn rút, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Theo quy định của pháp luật các đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ cho Tòa án, nếu đương sự không giao nộp, hoặc nộp không đầy đủ thì phải chịu hậu quả của việc không nộp hoặc nộp không đầy đủ các chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận chứng cứ đã cung cấp cho Tòa lưu tại hồ sơ vụ án, không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và nguyên đơn xác nhận không còn chứng cứ nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

I) Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý vụ án:

Công ty A khởi kiện Công ty SMV về việc thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388-DOEKSEN hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388-DOEKSEN và các phụ lục hợp đồng. Công ty A và Công ty SMV là tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Công ty SMV có trụ sở tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu Công ty SMV và người đại diện theo pháp luật là ông A đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử, tuy nhiên người đại diện theo pháp luật và Công ty vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Công ty SMV và người đại diện theo pháp luật.

II/ Về nội dung:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty SMV thanh toán số tiền nợ là 1.360.656.614đ (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*).

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định ngày 03-11-2016, Công ty A và Công ty SMV ký kết hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388 về việc gia công chế tạo dự án H387/H388 tổng giá trị hợp đồng là 8.797.864.686đ (*Tám tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng*). Sau đó hai bên ký kết phụ lục hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388-Phụ lục-001 về việc sửa đổi hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388 tăng giá trị hợp đồng từ 8.797.864.686đ (*Tám tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng*) lên 11.584.818.445đ (*Mười một tỷ, năm trăm tám mươi bốn triệu, tám*

trăm mười tám nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngày 05-06-2017, ký kết hợp đồng số SMV-MVEC/H888 về việc gia công chế tạo Block nhôm dự án H888, tổng giá trị hợp đồng là 1.269.538.800 đ (*Một tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm đồng*), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngày 07- 06 -2017, Công ty A và Công ty SMV ký kết Hợp đồng số SMV-MVEC/H387/H388-DOEKSEN về việc gia công lắp đặt ống và lắp đặt hệ thống HVAC cho dự án nhôm H387/H388, tổng giá trị hợp đồng là 2.386.810.910đ (*Hai tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm mười nghìn, chín trăm mười đồng*), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Như vậy, tổng giá trị Công ty A và Công ty SMV đã ký kết các hợp đồng và phụ lục nêu trên là 15.241.168.155đ (*Mười lăm tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng*).

Ngày 06-07-2020, hai bên cùng thỏa thuận, thống nhất và đồng ý cản trừ khoản nợ phải thu và phải trả giữa hai bên. Theo Biên bản bù trừ công nợ số 202000706-001/SMV-MV về việc cản trừ công nợ của Công ty SMV theo đó Công ty SMV có nghĩa vụ phải trả cho Công ty A là 2.127.267.401 đ (*Hai tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm lẻ một đồng*).

Ngày 31-03-2021, hai bên tiếp tục thỏa thuận, thống nhất và đồng ý cản trừ khoản nợ phải thu và phải trả giữa hai bên. Theo Biên bản số 20210331-0001/SMV-MV về việc “*bù trừ công nợ*” thì Công ty SMV có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty A là 1.360.656.614đ (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*). Từ ngày đối chiếu công nợ cho đến nay, các đương sự không có ai tranh chấp, khiếu nại về số lượng hàng, giá cả, thành tiền ở các biên bản giao nhận hàng, hóa đơn giá trị gia tăng. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty SMV và người đại diện theo pháp luật là ông A đến làm việc, trình bày ý kiến và tạo điều kiện để cho hai bên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt và không đưa ra ý kiến. Mặc dù không có ý kiến của Công ty SMV và người đại diện theo pháp luật là ông A về khoản nợ, nhưng căn cứ vào Biên bản bù trừ công nợ ngày 31-3-2021, do ông Trương Văn P chức vụ Giám đốc dịch vụ nhà máy của Công ty MSV ký xác nhận còn nợ Công ty A số tiền 1.360.656.614 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi của Công ty A có cơ sở nên được chấp nhận.

[2]. Đối với yêu cầu buộc Công ty SMV phải trả cho Công ty A số tiền lãi 353.338.382đ (*Ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng*) tạm tính đến ngày 01-7-2021. Và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 02-7-2021, Công ty A đã yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng ngày 19-7-2022, Công ty A có đơn rút yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty A về số tiền lãi 353.338.382đ (*Ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm ba*

mười tám nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng) tạm tính đến ngày 01-7-2021. Và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3]. Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty SMV.

1- Buộc Công ty SMV có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền là 1.360.656.614đ (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2- Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Đình chỉ yêu cầu của Công ty A về số tiền lãi 353.338.382đ (*Ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng*) tạm tính đến ngày 01-7-2021. Và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty SMV phải chịu là 52.819.698đ (*Năm mươi hai triệu, tám trăm mười chín nghìn, sáu trăm chín tám đồng*).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 31.709.000đ (*Ba mươi một triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn đồng*) cho Công ty A theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001355 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tp. Vũng Tàu;
- THADS tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Cúc**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thúy Hảo Đặng Song Hoàn**

**Hoàng Thị Cúc**

